

HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN TẬP HUẤN PHỔ BIẾN CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG, HƯỚNG DẪN NGHIỆP VỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ MÔI TRƯỜNG TẠI 03 CẤP

■ Phan Ngọc Linh¹

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 1152/UBND-NN ngày 30/3/2021 về việc tập huấn bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ ngành tài nguyên và môi trường.

Ngày 20/8/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức trực tuyến “Hội nghị tập huấn Phổ biến các văn bản pháp luật lĩnh vực môi trường, hướng dẫn nghiệp vụ quản lý Nhà nước về môi trường tại 03 cấp”, với khoảng 200 đại biểu tham dự, gồm lãnh đạo UBND và công chức Địa chính - Môi trường tại các xã, phường, thị trấn; công chức (cấp huyện) cho lãnh đạo UBND cấp huyện và công chức phòng TNMT huyện, thị xã, thành phố; công chức (cấp tỉnh) tại Sở Tài nguyên và Môi trường và một số sở, ban, ngành, đoàn thể có liên quan về lĩnh vực môi trường; cụ thể một số nội dung: Hướng dẫn thực hiện Chỉ thị số 41/CT-TTg ngày 01/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách tăng cường quản lý chất thải rắn; Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 20/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa...; Hướng dẫn đánh giá, thẩm định các chỉ tiêu: 17.2; 17.3; 17.5; 17.7; 17.9 thuộc tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền của Sở Tài nguyên và

môi trường; Chia sẻ kinh nghiệm về Mô hình “Khu dân cư gắn với cơ sở tôn giáo tham gia bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu”; Hướng dẫn việc áp dụng xử phạt vi phạm hành chính đối với một số hành vi vi phạm chủ yếu trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;...

Tại Hội nghị tập huấn các đại biểu đã tích cực thảo luận và trao đổi những khó khăn vướng mắc ở cơ sở, chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn: xác định lưu lượng trong khai thác nước dưới đất, xử phạt trong khai thác khoáng sản, quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại địa phương, hướng dẫn thủ tục hành chính về môi trường, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường trong quá trình kiểm tra, cách xác định lưu lượng nước thải phát sinh trong quá trình kiểm tra trường hợp cơ sở không có lắp đồng hồ đo lưu lượng nước thải... Theo đó, các báo cáo viên đã giải đáp được một số khó khăn, vướng mắc của các đại biểu, cũng như đã chia sẻ một số kinh nghiệm thực tiễn trong công tác quản lý nhà nước; từ đó giúp nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ công chức cấp xã; công chức phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện cũng như các Sở, ban ngành và Hội đoàn thể tỉnh.



Ảnh: Quang cảnh buổi “Hội nghị tập huấn Phổ biến các văn bản pháp luật lĩnh vực môi trường, hướng dẫn nghiệp vụ quản lý Nhà nước về môi trường tại 03 cấp” (trực tuyến)

Qua buổi Hội nghị tập huấn, Ông Trần Văn Hùng - Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường đã kết luận một số nội dung cần tập trung trong thời gian tới: cần tăng cường hỗ trợ huyện Châu Thành trong xây dựng nông thôn mới trong năm 2021; xây dựng kế hoạch hỗ trợ các xã đăng ký, phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới và huyện nông mới năm 2022; nhân rộng mô hình “Khu dân cư gắn với

cơ sở tôn giáo tham gia bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu” đến các địa phương; các địa phương phải xây dựng kế hoạch và dự toán chi sự nghiệp bảo vệ môi trường năm 2020 ngay từ thời điểm này, chú trọng việc đến thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo Đề án tăng cường năng lực và hạ tầng kỹ thuật quản lý chất thải rắn đã được UBND tỉnh phê duyệt,...

1 - Đơn vị Phòng Quản lý môi trường

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI PHỐI HỢP TRIỂN KHAI THANH TOÁN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI TRÊN CỔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA.

■ **Lâm Nhựt Thanh**¹

Thực hiện Công văn số 1317/UBND-THNV ngày 09/4/2021 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc cung cấp thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính trong thực hiện thủ tục đất đai. Theo đó, giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính trong thực hiện thủ tục hành chính về đất đai cho hộ gia đình, cá nhân trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

Sở Tài nguyên và Môi trường giao Văn phòng đăng ký đất đai phối hợp cùng chuyên viên kỹ thuật Sở Thông tin và Truyền thông, VNPT Trà Vinh cùng tổ chức rà soát tính sẵn sàng của Cổng dịch vụ công tỉnh, Cổng dịch vụ công quốc gia đảm bảo các yêu cầu kết nối chia sẻ thông tin, các chức năng giao diện đảm bảo thực hiện thanh toán nghĩa vụ tài chính theo Công văn số 2161/VPCP-KSTT ngày 30/3/2021 của Văn phòng Chính phủ về việc cung cấp thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính trong thực hiện thủ tục đất đai.

Qua quá trình vận hành thử nghiệm việc thanh toán nghĩa vụ tài chính trong thực hiện thủ tục đất đai Văn phòng đăng ký đất đai thử nghiệm các giải pháp thanh toán trực tuyến phí, lệ phí, nghĩa vụ thuế khi thực hiện thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai. Tuy nhiên, quá trình vận hành còn phát sinh một số vấn đề cụ thể:

- Chưa thanh toán được nghĩa vụ tài chính về đất đai với cơ quan thuế (cụ thể là thuế thu nhập cá nhân và thuế trước bạ) trên cổng dịch vụ công quốc gia.

- Cổng dịch vụ công của tỉnh và Cổng dịch vụ công quốc gia việc thanh toán phí, lệ phí và giá dịch vụ công chưa đảm bảo có sự phân biệt trên một thủ tục hành chính, sau khi người sử dụng đất thanh toán thì cổng dịch vụ công tỉnh chỉ kết toán về một tài khoản của đơn vị cung cấp dịch vụ mà không chuyển vào đúng các tài khoản khác nhau theo quy định, điều này gây khó khăn cho quá trình kiểm soát, quyết toán, quản lý.

Để đánh giá nguyên nhân tồn tại khi chưa thanh toán nghĩa vụ tài chính về đất đai trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Sở Tài nguyên và môi trường đã chỉ đạo Văn phòng đăng ký đất đai tiến hành mời đại diện bộ phận kỹ thuật thuộc Sở Thông tin và Truyền thông, Cục thuế tỉnh, VNPT Trà Vinh đánh giá rà soát vào ngày 14/5/2021. Kết quả như sau:

- Đối với việc chưa thanh toán được nghĩa vụ tài chính về đất đai với cơ quan thuế (cụ thể là thuế thu nhập cá nhân và thuế trước bạ): đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông có văn bản đề nghị Cục thuế tỉnh cùng phối hợp thực hiện theo Công văn số 1317/UBND-THNV, khi đó Cục thuế tỉnh Trà Vinh có văn bản đề nghị Tổng cục Thuế mở cổng liên thông với Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Đối với phân biệt tài khoản khi thanh toán: Đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông xem xét, báo cáo đề xuất cơ quan quản lý Cổng dịch vụ công tỉnh và Cổng dịch vụ công quốc gia xem xét bổ sung tính năng đảm bảo quản lý.

1 - Đơn vị Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Trà Vinh

PHỔ BIẾN MỘT SỐ ĐIỀU LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC LẬP, ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT; THỐNG KÊ, KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI VÀ LẬP BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT; ĐỊNH GIÁ ĐẤT

■ Lê Thị Ngọc Mỹ¹

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Thông tư 09/2021/TT-BTNMT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật đất đai. Thông tư bao gồm 11 Điều và sẽ chính thức có hiệu lực thi hành từ ngày 01/9/2021. Trong đó đã nêu rõ từng nội dung cụ thể như sửa đổi, bổ sung, chuyển khoản, bãi bỏ các điều, khoản của các Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật đất đai, trách nhiệm tổ chức thực hiện và điều khoản thi hành đến lĩnh vực đất đai. Bao gồm: **Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**; Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 quy định về hồ sơ địa chính; Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 quy định về bản đồ địa chính; Sửa đổi, bổ sung Điều 5 của Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27 tháng 01 năm 2015 quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP của Chính phủ; Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2015/TT-BTNMT

ngày 15 tháng 12 năm 2015 quy định về cấp và quản lý Chứng chỉ định giá đất; Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 07/2015/TT-BTNMT ngày 26 tháng 02 năm 2015 quy định việc lập phương án sử dụng đất; lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất; đo đạc, lập bản đồ địa chính; xác định giá thuê đất; giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với công ty nông, lâm nghiệp; Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

Đối với nhiệm vụ lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất và định giá đất thì Thông tư 09/2021/TT-BTNMT đã sửa đổi bổ sung một số điều có liên quan như sau:

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27 tháng 01 năm 2015 quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể như sau:

1 - Đơn vị Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và Môi trường

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

“Điều 3. Lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đối với đất bãi bồi ven sông, đất bãi bồi ven biển, đất có mặt nước ven biển.

1. Đối với các địa phương mà quy hoạch tỉnh, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện chưa thể hiện nội dung sử dụng đất đối với đất bãi bồi ven sông, đất bãi bồi ven biển, trường hợp quy hoạch khu đất bãi bồi ven sông, đất bãi bồi ven biển thuộc địa giới hành chính của nhiều đơn vị hành chính cấp huyện thì Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), Ủy ban nhân dân quận, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện) có trách nhiệm tổ chức việc rà soát để điều chỉnh, bổ sung vào quy hoạch tỉnh, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.

2. Quy hoạch tỉnh, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện có biển phải thể hiện nội dung sử dụng đất có mặt nước ven biển theo quy định của pháp luật về đất đai.”

2. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 11 như sau:

“1. Các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng phải đăng ký biến động, bao gồm:

a) Chuyển đất trồng cây hàng năm sang đất nông nghiệp khác gồm: đất sử dụng để xây dựng nhà kính và các loại nhà khác phục vụ mục đích trồng trọt; đất xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm và các loại động vật khác được pháp luật cho phép; nuôi trồng thủy sản cho mục đích học tập, nghiên cứu thí nghiệm;

b) Chuyển đất trồng cây hàng năm khác, đất nuôi trồng thủy sản sang trồng cây lâu năm;

c) Chuyển đất trồng cây lâu năm sang đất nuôi trồng thủy sản, đất trồng cây hàng năm;

d) Chuyển đất ở sang đất phi nông nghiệp không phải là đất ở;

đ) Chuyển đất thương mại, dịch vụ sang các loại đất khác thuộc đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; chuyển đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp sang đất xây dựng công trình sự nghiệp.”

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất

1. Sửa đổi, bổ sung mục 2.2.5.6. tại Phụ lục 01 như sau:

“2.2.5.6. Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản là đất để thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản gắn liền với khu vực khai thác khoáng sản, đất xây dựng các công trình phục vụ cho hoạt động khoáng sản (kể cả trụ sở, nhà nghỉ giữa ca và các công trình khác phục vụ cho người lao động gắn liền với khu vực khai thác khoáng sản) và hành lang an toàn trong hoạt động khoáng sản (bao gồm cả khoáng sản là đất, đá, cát, sỏi sử dụng để sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm, sứ, thủy tinh đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản).”

2. Sửa đổi, bổ sung mục 2.2.5.7. tại Phụ lục số 01 như sau:

“2.2.5.7. Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm là đất để khai thác nguyên liệu đất, đá, cát, sỏi (trừ trường hợp đất, đá, cát, sỏi là khoáng sản sử dụng để sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm, sứ, thủy tinh đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản) và đất làm mặt bằng chế biến, sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm, sứ, thủy tinh gắn liền với khu vực khai thác.”

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2015/TT-BTNMT ngày 15 tháng 12 năm 2015 quy định về cấp và quản lý Chứng chỉ định giá đất. Cụ thể như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b và điểm c khoản 1 Điều 3 như sau:

"b) Trang 2 in chữ màu đen gồm: dòng chữ "BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG"; "**TỔNG CỤC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI**"; ảnh của định giá viên; "Có giá trị đến:" và "Số Chứng chỉ:".

Số Chứng chỉ bao gồm 07 chữ số, trong đó: 03 số đầu là số thứ tự của Chứng chỉ bắt đầu từ số 001 đến 999, tiếp theo là số hiệu của sổ Chứng chỉ gồm 2 chữ số bắt đầu từ 01 đến 10 và năm cấp Chứng chỉ gồm 2 chữ số cuối của năm cấp.

c) Trang 3 in chữ màu đen gồm: dòng chữ Quốc hiệu; "**CHỨNG CHỈ ĐỊNH GIÁ ĐẤT**"; "**TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI**"; "Cấp cho ông/bà:"; "Ngày sinh:"; "Quốc tịch:"; "Số CMND/CCCD/Hộ chiếu"; "Ngày cấp"; "Nơi cấp"; "Được hành nghề tư vấn xác định giá đất trong phạm vi cả nước"; ngày, tháng, năm ký Chứng chỉ định giá đất; người ký Chứng chỉ định giá đất."

2. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 2 Điều 5 như sau:

"đ) Tổng cục Quản lý đất đai có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, đối với trường hợp đủ điều kiện cấp Chứng chỉ định giá đất thì Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý đất đai xem xét, quyết định cấp Chứng chỉ định giá đất trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Quyết định về việc cấp Chứng chỉ định giá đất theo mẫu quy định tại Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư này;"

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6 như sau:

"2. Hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng chỉ định giá đất gồm có:

a) Đơn đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng chỉ định giá đất theo mẫu quy định tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa bồi dưỡng về định giá đất trong thời hạn không quá 01 năm tính đến ngày đề nghị cấp đổi Chứng chỉ định giá đất đối với trường hợp cấp đổi Chứng chỉ định giá đất (bản sao có chứng thực; trường hợp bản sao không có chứng thực thì người đề nghị cấp đổi Chứng chỉ định giá đất phải mang bản chính để đối chiếu);

c) Chứng chỉ định giá đất đã cấp đối với trường hợp cấp đổi hoặc cấp lại Chứng chỉ định giá đất do bị mờ, rách, nát;

d) Hai (02) ảnh màu cỡ 4x6 cm chụp trong thời gian không quá 06 tháng tính đến ngày đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng chỉ định giá đất."

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 8 như sau:

"3. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều này, Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý đất đai xem xét, quyết định thu hồi Chứng chỉ định giá đất theo mẫu quy định tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư này.

Quyết định thu hồi Chứng chỉ định giá đất được gửi tới người bị thu hồi, cơ quan công tác của người bị thu hồi, đồng thời đăng trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường, cổng thông tin điện tử của Tổng cục Quản lý đất đai."

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 11 như sau:

"2. Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý đất đai có trách nhiệm xem xét, quyết định cấp, cấp đổi, cấp lại, thu hồi Chứng chỉ định giá đất; định kỳ báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về kết quả cấp, cấp đổi, cấp lại và thu hồi Chứng chỉ định giá đất trước ngày 31 tháng 12 hàng năm."

Nội dung chi tiết Thông tư 09/2021/TT-BTNMT xem trên cổng thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

(Được quy định tại Thông tư 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật đất đai. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/9/2021)

TẬP HUẤN

VIỆC ÁP DỤNG XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI MỘT SỐ HÀNH VI VI PHẠM CHỦ YẾU TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 55/2021/NĐ-CP NGÀY 24/5/2021 CỦA CHÍNH PHỦ

■ **Đặng Văn Mừng**¹

I. GIỚI THIỆU CHUNG

Ngày 24/5/2021, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 55/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2016 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 10/7/2021.

- Nghị định số 55/2021/NĐ-CP có 4 Điều, được bố cục như sau:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Điều 2. Điều khoản thi hành;

Điều 3. Quy định chuyển tiếp;

Điều 4. Trách nhiệm thi hành.

- Nội dung sửa đổi, bổ sung các điều của Nghị định số 155/2016/NĐ-CP gồm: Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 1; Bổ sung khoản 3 và khoản 4 Điều 2; Sửa đổi các khoản 4, 7, 8, 10 và 11, bổ sung các khoản 14 và 15 Điều 3; Bổ sung điểm c khoản 2, các điểm o, p, q, r, s và t khoản 3 và khoản 4 Điều 4; Sửa đổi, bổ sung Điều 6, 8, 9, 11, 12, 13, 14, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 29, 32, 33, 34, 39, 40, 44, 46, 49, 52; Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 7; Sửa đổi điểm đ khoản 8 Điều 19; Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 2 Điều 48; Bổ sung khoản 4 Điều 55; Sửa đổi khoản 1 và bổ sung khoản 4 Điều 56.

- Bên cạnh đó, Nghị định số 55/2021/NĐ-CP

thay thế Điều 10: "Điều 10. Vi phạm các quy định về thực hiện Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường"; Bổ sung Điều 13a vào trước điều 13: "Điều 13a. Vi phạm quy định về thực hiện quan trắc, giám sát môi trường"; Thay thế điểm b và bổ sung điểm d khoản 8 Điều 15; Thay thế điểm b và bổ sung điểm d khoản 9 Điều 16; Bãi bỏ điểm c khoản 4 Điều 27.

II. CÁC HÀNH VI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ

1. Các hành vi vi phạm chung

Nghị định số 55/2021/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung các hành vi vi phạm: (1) thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường; (2) thực hiện quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; (3) thực hiện Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường; (4) bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc triển khai xây dựng dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mà không có kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường; thực hiện quan trắc, giám sát môi trường; (5) vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải có chứa thông số vi sinh vật (*Salmonella*, *Shigella*, *Vibrio cholerae*) theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế hoặc xả nước thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật; (6) bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại và thực hiện Giấy

1 - Đơn vị; Thanh Tra Sở

phép xử lý chất thải nguy hại; (6) vi phạm các quy định trong phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường và bảo vệ môi trường đối với hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y.

2. Một số hành vi vi phạm thường gặp được sửa đổi, bổ sung mới và các biện pháp áp dụng xử phạt:

2.1. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, đã sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 1 như sau:

a) Các hành vi vi phạm các quy định về kế hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường; (**đã lược bỏ “đề án bảo vệ môi trường”**)

2.2. Đối tượng áp dụng: Bổ sung khoản 3 và khoản 4 Điều 2 như sau:

Nghị định đã bổ sung cụ thể các tổ chức áp dụng tại nghị định này, đặc biệt đã bổ sung 03 đối tượng bị xử phạt như sau:

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập theo quy định của Luật Hợp tác xã;

- Cơ quan nhà nước có hành vi vi phạm mà hành vi đó không thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao;

- Các đơn vị sự nghiệp công lập.

Ngoài ra, đối tượng áp dụng bổ sung thêm: Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính; người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến hoạt động bảo vệ môi trường.

2.3. Giải thích từ ngữ: Sửa đổi các khoản 4, 7, 8, 10 và 11, bổ sung các khoản 14 và 15 Điều 3.

Các điểm đã sửa đổi, bổ sung đáng lưu ý như sau:

- Sửa đổi khoản 4:

“Thông số môi trường nguy hại trong khí thải và môi trường không khí là các thông số môi trường có tên trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh và một số thông số có tên trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất thải (chi tiết trong Mục II Phụ lục 1 kèm theo Nghị định)”

- Sửa đổi khoản 7 và khoản 8:

7. Bản kế hoạch bảo vệ môi trường bao gồm: Bản kê khai các hoạt động sản xuất có ảnh hưởng đến môi trường; **đề án bảo vệ môi trường được xác nhận; đề án bảo vệ môi trường đơn giản**; bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường; bản cam kết bảo vệ môi trường và bản kế hoạch bảo vệ môi trường.

8. Báo cáo đánh giá tác động môi trường bao gồm: báo cáo đánh giá tác động môi trường chi tiết; báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ sở đang hoạt động; **đề án bảo vệ môi trường được phê duyệt; đề án bảo vệ môi trường chi tiết**; báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung và báo cáo đánh giá tác động môi trường. (**lược bỏ “báo cáo đánh giá tác động môi trường sơ bộ”**)

- Sửa đổi khoản 10:

Bổ sung thêm 02 thành phần của Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường, bao gồm:

- Giấy xác nhận hoàn thành các nội dung của đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt.

- Giấy xác nhận hoàn thành việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết.

- Sửa đổi khoản 11:

11. Công trình bảo vệ môi trường, gồm: công trình xử lý chất thải; công trình thu gom, lưu giữ CTR và công trình bảo vệ môi trường khác theo quy định. (**thay thế định nghĩa Giấy xác nhận đảm bảo yêu cầu BVMT**).

- Bổ sung khoản 14 và khoản 15:

14. **Đình chỉ hoạt động gây ô nhiễm môi trường của cơ sở được nêu trong Nghị định này:** là việc đình chỉ hoạt động của bộ phận, hạng mục trực tiếp gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường hoặc xả thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường đến mức có khả năng gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường.

15. **CTR thông thường đặc thù được nêu trong Nghị định này bao gồm:** CTR thông thường phát sinh từ hoạt động y tế; CTR từ hoạt động xây dựng; CTR từ hoạt động chăn nuôi; bao bì chứa hóa chất bảo vệ thực vật sau sử dụng đã được làm sạch các thành phần nguy hại; bùn nạo vét từ kênh mương và các công trình thủy lợi; bùn nạo vét từ biển, sông, hồ và các vùng nước khác.”

2.4. Hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả (quy định tại Điều 4):

- **Hình thức xử phạt bổ sung:** Bổ sung điểm c khoản 2 Điều 4 như sau:

c) Việc áp dụng hình thức xử phạt bổ sung đình chỉ hoạt động có thời hạn đối với cơ sở hoạt động cung ứng sản phẩm, dịch vụ công được nhà nước giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu theo quy định tại Nghị định này, trừ trường hợp hành vi vi phạm của cơ sở không gây ô nhiễm môi trường hoặc cơ sở đã chấm dứt hành vi vi phạm hoặc đã khắc phục xong hậu quả vi phạm do hành vi vi phạm hành chính gây ra. Thời điểm đình chỉ hoạt động có thời hạn được tính từ thời điểm cơ quan nhà nước đã giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu giao nhiệm vụ, chỉ định đơn vị hoặc lựa chọn được nhà thầu khác để cung ứng sản phẩm, dịch vụ công.

- Biện pháp khắc phục hậu quả:

Nghị định đã bổ sung và quy định cụ thể hơn các biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường (**Bổ sung các điểm o, p, q, r, s và t khoản 3 Điều 4**).

2.5. Áp dụng quy chuẩn kỹ thuật môi trường và sử dụng thông số môi trường để xác định hành vi vi phạm hành chính, mức độ vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; (nguyên tắc xử phạt một số hành vi vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường (bổ sung). Quy định tại Điều 6.

- Sửa đổi khoản 3, Điều 6 như sau:

3. Khi áp dụng hình thức phạt tiền đối với các hành vi xả nước thải (Điều 13 và Điều 14 của Nghị định) hoặc thải bụi, khí thải (Điều 15 và Điều 16 của Nghị định) vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường, nếu trong nước thải hoặc bụi, khí thải có cả các thông số môi trường nguy hại, các loại vi khuẩn, các thông số môi trường thông thường vượt quy chuẩn kỹ thuật hoặc giá trị pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật thì chọn thông số tương ứng với hành vi vi phạm có mức phạt tiền cao nhất của mẫu nước thải hoặc bụi, khí thải để xử phạt; trường hợp có mức phạt bằng nhau thì thông số nguy hại là thông số để xác định hành vi vi phạm.”...

- Bổ sung thêm nguyên tắc xử phạt một số hành vi vi phạm hành chính về bảo vệ môi

trường: Nghị định đã bổ sung thêm các nguyên tắc để áp dụng quy chuẩn (**Bổ sung tại khoản 4, 5, 6, 7, 8, Điều 6**)

2.6. Sửa đổi, bổ sung Điều 8. Hành vi vi phạm các quy định về thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường

- Hành vi vi phạm quy định về thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận của Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Mức phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền thấp nhất là 500.000 đồng và cao nhất là 2.500.000 đồng. Việc xác định mức phạt dựa trên từng nội dung vi phạm (**quy định tại Khoản 1, Điều 8**)

- Hành vi vi phạm quy định về thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận của Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện và do cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Mức phạt tiền thấp nhất là 1.000.000 đồng và cao nhất là 30.000.000 đồng. Việc xác định mức phạt dựa trên từng nội dung vi phạm (**quy định tại Khoản 2, Điều 8**)

- Hành vi vi phạm quy định về thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường. Mức phạt tiền thấp nhất là 5.000.000 đồng và cao nhất là 50.000.000 đồng. Việc xác định mức phạt dựa trên từng nội dung vi phạm (**quy định tại Khoản 3, Điều 8**)

- Hành vi vi phạm quy định về thực hiện bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận của bộ, cơ quan ngang bộ. Mức phạt tiền thấp nhất là 10.000.000 đồng và cao nhất là 50.000.000 đồng. Việc xác định mức phạt dựa trên từng nội dung vi phạm (**quy định tại Khoản 3, Điều 8**)

* **Hình thức xử phạt bổ sung (quy định tại Khoản 5, Điều 8)**

a) Đình chỉ hoạt động gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 01 tháng đến 03 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm c và d khoản 1, các điểm c và d khoản 2 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm c và d khoản 3 Điều này hoặc đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi không đăng ký lại kế hoạch bảo vệ môi trường quy định tại điểm đ khoản 1, điểm đ khoản 2 và điểm đ khoản 3 Điều này;

c) Đình chỉ hoạt động gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 06 tháng đến 09 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm c và d khoản 4 Điều này.

* Biện pháp khắc phục hậu quả **(quy định tại Khoản 6, Điều 8)**

a) Buộc phải vận hành đúng quy trình đối với công trình bảo vệ môi trường; buộc tháo dỡ công trình, thiết bị được xây lắp trái quy định về bảo vệ môi trường để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm c khoản 1, điểm c khoản 2, điểm c khoản 3 và điểm c khoản 4 Điều này;

b) Buộc phải xây lắp công trình bảo vệ môi trường đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật theo quy định trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm d khoản 1, điểm d khoản 2, điểm d khoản 3 và điểm d khoản 4 Điều này;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các điểm c, d khoản 1; các điểm c, d khoản 2; các điểm c, d khoản 3 và các điểm c, d khoản 4 Điều này.

2.7. Sửa đổi, bổ sung Điều 9. Hành vi vi phạm các quy định về thực hiện quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường

- Hành vi vi phạm quy định về thực hiện quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bộ, cơ quan ngang bộ, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Mức phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền thấp nhất là 5.000.000 đồng và cao nhất là 160.000.000 đồng. Việc xác định mức phạt dựa trên từng nội dung vi

phạm **(quy định tại Khoản 1, Điều 9)**

- Hành vi vi phạm quy định về thực hiện quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Mức phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền thấp nhất là 10.000.000 đồng và cao nhất là 180.000.000 đồng. Việc xác định mức phạt dựa trên từng nội dung vi phạm **(quy định tại Khoản 2, Điều 9)**

* Hình thức xử phạt bổ sung **(quy định tại Khoản 3, Điều 9)**

Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng để khắc phục vi phạm đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm d, g, h, i, k và l khoản 1 và các điểm d, g, h, i, k và l khoản 2 Điều này.

* Biện pháp khắc phục hậu quả **(quy định tại Khoản 4, Điều 9)**

a) Buộc phải vận hành đúng quy trình đối với công trình bảo vệ môi trường; buộc tháo dỡ công trình, thiết bị được xây lắp trái quy định về bảo vệ môi trường để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm h khoản 1, điểm h khoản 2 Điều này;

b) Buộc phải xây lắp, vận hành công trình bảo vệ môi trường và lập hồ sơ báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường trình cơ quan đã phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quy định trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm g, i, k và l khoản 1; các điểm g, i, k và l khoản 2 Điều này;

c) Buộc phải lập hồ sơ báo cáo kết quả hoàn thành công trình bảo vệ môi trường trình cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm g khoản 1 và điểm g khoản 2 Điều này;

d) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các điểm d, g, h và k khoản 1; các điểm d, g, h và k khoản 2 Điều này."

2.8. Thay thế Điều 10: Hành vi vi phạm các quy định về thực hiện Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường

- Hành vi vi phạm quy định về thực hiện Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bộ, cơ quan ngang bộ, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Mức phạt tiền thấp nhất là 30.000.000 đồng và cao nhất là 120.000.000 đồng. Việc xác định mức phạt dựa trên từng nội dung vi phạm (**quy định tại Khoản 1, Điều 10**)

- Hành vi vi phạm quy định về thực hiện Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Mức phạt tiền thấp nhất là 40.000.000 đồng và cao nhất là 140.000.000 đồng. Việc xác định mức phạt dựa trên từng nội dung vi phạm (**quy định tại Khoản 2, Điều 10**)

* Hình thức xử phạt bổ sung (**quy định tại Khoản 3, Điều 10**)

a) Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng để khắc phục vi phạm đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm c và d khoản 1 và các điểm c và d khoản 2 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 06 tháng đến 09 tháng để khắc phục vi phạm đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm đ khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều này.

* Biện pháp khắc phục hậu quả (**quy định tại Khoản 4, Điều 10**)

a) Buộc phải vận hành đúng quy trình đối với công trình bảo vệ môi trường đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm c khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều này;

b) Buộc tháo dỡ công trình, thiết bị được xây lắp trái quy định về bảo vệ môi trường để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm d khoản 1 và điểm d khoản 2 Điều này;

c) Buộc phải lập hồ sơ báo cáo kết quả hoàn thành công trình bảo vệ môi trường trình cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm đ khoản 1 và điểm d khoản 2 Điều này;

d) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các điểm c, d và đ khoản 1 và các điểm c, d và đ khoản 2 Điều này."

2.9. Sửa đổi, bổ sung Điều 11. Hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc triển khai xây dựng dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mà không có kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường

- Điều 11 được sửa đổi tên và sửa đổi tên hành vi vi phạm tại tại khoản 1, 2, 3, 4, 5.

- Bổ sung hành vi không có biện pháp, công trình thu gom, lưu giữ, xử lý, quản lý chất thải phát sinh theo quy định đối với trường hợp dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng được miễn thực hiện đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định. Phạt tiền từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng (**quy định tại khoản 6a, Điều 11**)

* Biện pháp khắc phục hậu quả (**quy định tại khoản 7, Điều 11**)

Biện pháp khắc phục hậu quả được bổ sung theo các khoản c, d, đ, e.

2.10. Sửa đổi, bổ sung Điều 12. Hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, khu kinh doanh và dịch vụ tập trung, làng nghề và khu nuôi trồng thủy sản:

- Sửa đổi điểm b khoản 3 như sau:

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không có nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung theo quy định;

→ Thay thế cho hành vi không xây dựng Phương án BVMT như trước đây.

- Sửa đổi điểm b và điểm c khoản 6 như sau:

b) Phạt tiền bằng 50% mức phạt tiền quy định tại Điều 13 và Điều 14 của Nghị định này đối với hành vi xả nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý tập trung của khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, làng nghề có chứa một trong các thông số môi trường (chọn thông số vượt cao

nhất) vượt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, làng nghề;

→ **Bãi bỏ tỷ lệ % nước thải vượt quy chuẩn và tỷ lệ % mức phạt tăng thêm như trước đây.**

c) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi xả trái phép nước thải vào hệ thống thoát nước mưa của khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp."

→ **Không phân biệt "nước thải không qua xử lý hay nước thải qua xử lý như trước đây.**

- Sửa đổi khoản 7 như sau: **(Bãi bỏ hành vi vi phạm giám sát môi trường xung quanh và giám sát chất thải định kỳ)**

Hành vi vi phạm quy định về quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải, khí thải và các hành vi vi phạm khác về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Mức phạt tiền thấp nhất là 60.000.000 đồng và cao nhất là 250.000.000 đồng. Việc xác định mức phạt dựa trên từng nội dung vi phạm **(quy định tại Khoản 7, Điều 12)**. Đối với hành vi không kiểm định, hiệu chuẩn hệ thống quan trắc nước thải hoặc khí thải theo quy định thì áp dụng hình thức xử lý theo quy định tại pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo lường. **(quy định tại điểm e, Khoản 7, Điều 12)**

* Hình thức xử phạt bổ sung quy định tại khoản 8 Điều 12 được bãi bỏ.

* Biện pháp khắc phục hậu quả được sửa đổi, bổ sung **(quy định tại khoản 9, Điều 12)**

a) *Buộc phải có biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại, giảm thiểu tiếng ồn, độ rung và xử lý nước thải, khí thải đạt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm tại Điều này;*

b) *Buộc tháo dỡ công trình nuôi trồng thủy sản; buộc phục hồi môi trường do các hành vi vi phạm quy định tại điểm d và điểm đ khoản 5 Điều này gây ra; buộc phải lắp đặt thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục hoặc thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định*

trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại điểm c và điểm đ khoản 7 Điều này; buộc phải xây lắp, lắp đặt đường ống, cửa xả nước thải ra ngoài môi trường ở vị trí có thể thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoặc buộc phải tháo dỡ công trình, thiết bị để pha loãng chất thải và phải xử lý chất thải đạt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với vi phạm quy định tại điểm đ khoản 7 Điều này."

2.11. Bổ sung Điều 13a. Vi phạm quy định về thực hiện quan trắc, giám sát môi trường

- Hành vi vi phạm quy định về thực hiện quan trắc, giám sát môi trường trong quá trình thi công, xây dựng dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Phạt cảnh cáo hoặc tiền thấp nhất là 500.000 đồng và cao nhất là 30.000.000 đồng. Việc xác định mức phạt dựa trên từng nội dung vi phạm **(quy định tại Khoản 1, Điều 13a)**

- Hành vi vi phạm quy định về thực hiện quan trắc môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm dự án. Phạt tiền thấp nhất là 10.000.000 đồng và cao nhất là 25.000.000 đồng. Việc xác định mức phạt dựa trên từng nội dung vi phạm **(quy định tại Khoản 2, Điều 13a)**

- Hành vi vi phạm quy định về thực hiện quan trắc môi trường khi dự án đi vào vận hành. Phạt tiền thấp nhất là 15.000.000 đồng và cao nhất là 45.000.000 đồng. Việc xác định mức phạt dựa trên từng nội dung vi phạm **(quy định tại Khoản 3, Điều 13a)**

- Hành vi phối hợp với đơn vị không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (theo lĩnh vực và phạm vi được cấp giấy chứng nhận) để thực hiện quan trắc, giám sát môi trường, trừ các trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập hoặc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thành lập và giao thực hiện nhiệm vụ quan trắc, giám sát môi trường trên địa bàn tỉnh hoặc trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng **(quy định tại Khoản 4, Điều 13a)**.

2.12. Sửa đổi, bổ sung Điều 13: Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường

- Sửa đổi khoản 7: “7. Phạt tăng thêm 10% của mức phạt tiền cao nhất đã chọn đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này đối với mỗi thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 1,1 đến dưới 1,5 lần; 20% đối với mỗi thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 1,5 đến dưới 03 lần; 30% đối với mỗi thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 03 đến dưới 05 lần; 40% đối với mỗi thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 05 đến dưới 10 lần; 50% đối với mỗi thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 10 lần trở lên. Tổng mức phạt đối với mỗi hành vi vi phạm không quá 1.000.000.000 đồng.”

→ Điều chỉnh hệ số vượt quy chuẩn và bãi bỏ các thông số quy định về pH và vi khuẩn trong nước thải

* Hình thức xử phạt bổ sung: Sửa đổi khoản 8:

a) Đình chỉ hoạt động gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t và u khoản 4, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 5 và các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 6 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm ư, v, x và y khoản 4, các điểm u, ư, v, x và y khoản 5 và các điểm t, u, ư, v, x và y khoản 6 Điều này.”

* Biện pháp khắc phục hậu quả: Thay thế điểm b và bổ sung điểm d khoản 9:

b) Buộc rà soát, cải tạo công trình xử lý nước thải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định đối với các vi phạm quy định tại Điều này;

→ **Bãi bỏ quy định buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp như trước đây**

d) Buộc phải lắp đặt thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này mà tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần.”

→ quy định mới

2.13. Sửa đổi, bổ sung Điều 14: Vi phạm các

quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải có chứa thông số vi sinh vật (*Salmonella*, *Shigella*, *Vibrio cholerae*) theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế hoặc xả nước thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật bị xử phạt (thay tên)

- Sửa đổi điểm k, khoản 6, Điều 14:

k) Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 220.000.000 đồng trong trường hợp thải lượng nước thải từ 400 m³/ngày (24 giờ) trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường.

- Bãi bỏ các điểm l, m, n, o, p, q, r, s, t, u, ư, v, x, y khoản 6.

* Hình thức xử phạt bổ sung: Sửa đổi điểm a, điểm b khoản 12:

a) Đình chỉ hoạt động gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 4, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 5, các điểm e, g, h, i và k khoản 6, các điểm h, i, và k khoản 7, các điểm g, h, i và k khoản 8 và các điểm e, g, h, i và k khoản 9 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm u, ư, x, x và y khoản 4, các điểm t, u, ư, v, x và y khoản 5, và khoản 10 Điều này.”

* Biện pháp khắc phục hậu quả: **Thay thế điểm b và bổ sung điểm d khoản 13:**

b) Buộc rà soát, cải tạo công trình xử lý nước thải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định đối với các vi phạm quy định tại Điều này.

→ **Bãi bỏ quy định buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp như trước đây**

d) Buộc phải lắp đặt thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này mà tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần.

2.14. Sửa đổi, bổ sung Điều 20: Vi phạm các quy định về vệ sinh nơi công cộng; thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, xử lý, thải rác thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường; vận

chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gây ô nhiễm môi trường

- Đối với hành vi vi phạm tại khoản 1 và khoản 2 được sửa đổi giảm mức phạt đối với vi phạm thấp hơn so với quy định tại NĐ 155 trước đây.

- Bổ sung điểm a1 trước điểm a khoản 6:

a1) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không có biên bản bàn giao rác thải sinh hoạt, CTTCN thông thường theo quy định;

- Sửa đổi các điểm c, d và đ khoản 7, điểm c, d, g khoản 8: bãi bỏ hành vi vi phạm về Giấy xác nhận bảo đảm yêu cầu BVMT.

- Bổ sung, khoản 9a vào trước khoản 9: "9a. Đối với hành vi thu gom, vận chuyển, xử lý bùn thải từ bể tự hoại, bùn thải từ hệ thống thoát nước đô thị không đúng quy định về bảo vệ môi trường được áp dụng hình thức xử lý theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng.

- Sửa đổi khoản 9: Hành vi chuyển giao, cho, bán chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn thông thường đặc thù, sản phẩm thải lỏng không nguy hại cho đơn vị không có chức năng, năng lực xử lý theo quy định; chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn thông thường đặc thù, sản phẩm thải lỏng không nguy hại trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường; tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn thông thường đặc thù, sản phẩm thải lỏng không nguy hại nhưng không có biện pháp xử lý hoặc không chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định. Phạt tiền thấp nhất là 2.000.000 đồng và cao nhất là 250.000.000 đồng. Việc xác định mức phạt dựa trên từng nội dung vi phạm (quy định tại Khoản 9, Điều 20).

2.15. Sửa đổi, bổ sung Điều 21. Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại

- Sửa đổi điểm a khoản 1 như sau:

"a) Không lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại định kỳ theo quy định hoặc không lập báo cáo

đột xuất khác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; không gửi báo cáo quản lý chất thải nguy hại định kỳ hoặc đột xuất cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định hoặc gửi báo cáo quản lý chất thải nguy hại định kỳ không đúng quy định."

- Sửa đổi điểm b khoản 2 như sau:

b) Không thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại theo quy định.

- Sửa đổi điểm b khoản 5 như sau:

b) Không chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có giấy phép xử lý chất thải nguy hại phù hợp để thu gom, xử lý theo quy định trong trường hợp không được phép tiếp tục lưu giữ theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;" (trước đây quy định cụ thể là Sở Tài nguyên và Môi trường)

- Sửa đổi tên khoản 7 như sau:

"7. Hành vi chuyển giao, cho, bán chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có giấy phép xử lý chất thải nguy hại, trừ các trường hợp đặc thù theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải nguy hại và các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường, bị xử phạt như sau:"

* Biện pháp khắc phục hậu quả:

- Bãi bỏ điểm a "a) Buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng trái quy định về bảo vệ môi trường đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm b khoản 8 Điều này;"

- Bổ sung điểm đ tại khoản 12 như sau:

đ) Buộc chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức năng xử lý do hành vi vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này gây ra.

2.16. Sửa đổi, bổ sung Điều 22. Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại

a) Các hành vi vi phạm được bãi bỏ:

- Về bộ hồ sơ đăng ký kèm theo giấy phép xử lý CTNH (khoản 1)

- Không lưu trữ chứng từ CTNH đã sử dụng, báo cáo quản lý CTNH và các hồ sơ, tài liệu khác có yêu cầu lưu trữ liên quan đến hoạt động quản lý CTNH theo quy định; Không thông báo bằng văn bản

cho chủ nguồn thải CTNH trong trường hợp có lý do phải lưu giữ tạm thời CTNH mà chưa chuyển đi xử lý sau 03 tháng nhưng không được quá 06 tháng kể từ ngày thực hiện chuyển giao ghi trên chứng từ CTNH; Không thực hiện đúng kế hoạch xử lý ô nhiễm và bảo vệ môi trường khi chấm dứt hoạt động; Không thực hiện kê khai và sử dụng chứng từ CTNH theo quy định; không thực hiện kê khai chứng từ CTNH trực tuyến trên hệ thống thông tin của Tổng cục Môi trường hoặc thông qua thư điện tử khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền (điểm a, đ, e, g khoản 2)

- Hợp đồng ba bên với chủ nguồn thải CTNH, chủ hành nghề quản lý CTNH hoặc chủ xử lý CTNH được cấp phép về việc chuyển giao CTNH hoặc ký hợp đồng với chủ nguồn thải mà không có sự chứng kiến, xác nhận của chủ hành nghề quản lý CTNH hoặc chủ xử lý CTNH trên hợp đồng (điểm c khoản 3)

- Vận chuyển CTNH không theo tuyến đường, quãng đường, thời gian theo quy định của cơ quan có thẩm quyền và Phương tiện, thiết bị chuyên dụng thu gom, vận chuyển, đóng gói, bảo quản và lưu giữ tạm thời CTNH không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định (điểm c và điểm d khoản 4)

b) Sửa đổi, bổ sung các hành vi như sau:

- Sửa đổi điểm c khoản 2: “c) Không lập hồ sơ trực tuyến theo dõi hành trình phương tiện vận chuyển bằng GPS và cung cấp quyền truy cập cho cơ quan cấp phép theo quy định;”

- Sửa đổi điểm d khoản 3: “d) Không có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi chuyển giao chất thải nguy hại cho các chủ xử lý khác.”

- Sửa đổi các điểm b, c khoản 5:

b) Thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại vượt quá khối lượng một trong các nhóm chất thải nguy hại được quy định trong giấy phép xử lý chất thải nguy hại hoặc trong văn bản chấp thuận vận hành thử nghiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Sử dụng phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại không được đăng ký trong giấy phép xử lý chất thải nguy hại hoặc không có trong văn bản chấp thuận vận hành thử nghiệm của cơ quan nhà

nước có thẩm quyền.”

- Sửa đổi tên khoản 6: “6. Hành vi chuyển giao, cho, bán chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có giấy phép xử lý chất thải nguy hại phù hợp, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường bị xử phạt như sau:”

- Bổ sung khoản 10a vào trước khoản 10: “10a. Đối với các hành vi đốt chất thải nguy hại, chất hữu cơ khó phân hủy cần phải loại trừ theo quy định tại Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ trường hợp hành vi tội phạm về môi trường thì bị xử lý như hành vi chôn lấp, đổ, thải chất thải nguy hại, chất hữu cơ khó phân hủy được quy định tại khoản 8 và khoản 9 Điều này.”

- Sửa đổi điểm b và d khoản 10:

b) Đình chỉ hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại của chủ xử lý chất thải nguy hại từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 4, 5 và 6 Điều này;

→ Bãi bỏ đối tượng “đại lý vận chuyển CTNH”

d) Tịch thu phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 8 và khoản 9 Điều này.”

→ Bãi bỏ “tang vật”

- Bổ sung điểm d khoản 11 “d) Buộc chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức năng xử lý do hành vi vi phạm quy định tại khoản 6 Điều này gây ra.”

2.17. Sửa đổi, bổ sung Điều 23. Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại và thực hiện Giấy phép xử lý chất thải nguy hại

- Bãi bỏ các điểm g, h, khoản 1, Điều 23 (về nhân sự): cụ thể hành vi như sau:

g) Không có đủ ít nhất 02 người đảm nhận quản lý, điều hành, hướng dẫn về chuyên môn, kỹ thuật có trình độ chuyên môn thuộc chuyên ngành liên quan đến môi trường hoặc hóa học và được cấp chứng chỉ quản lý chất thải nguy hại theo quy định;

h) Không có đủ ít nhất 01 người đảm nhận quản lý, điều hành, hướng dẫn về chuyên môn, kỹ thuật có trình độ chuyên môn thuộc chuyên ngành liên quan đến môi trường hoặc hóa học đối với trạm trung chuyển chất thải nguy hại.”

- Sửa đổi các điểm a, b, e khoản 1:

a) Không thực hiện đúng một trong các nội dung của giấy phép xử lý chất thải nguy hại: Quy trình vận hành an toàn các phương tiện, thiết bị chuyên dụng; kế hoạch kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường; kế hoạch về an toàn lao động và bảo vệ sức khỏe; kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố; kế hoạch đào tạo, tập huấn định kỳ hàng năm;

b) Không thực hiện chương trình giám sát vận hành xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý chất thải nguy hại trong giấy phép xử lý chất thải nguy hại đã được cấp;

e) Không báo cáo với cơ quan cấp phép các thay đổi về cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhân sự chủ chốt hoặc các chương trình, kế hoạch trong giấy phép xử lý chất thải nguy hại so với khi được cấp phép."

- Sửa đổi điểm d khoản 2: "d) Sử dụng kho chứa chất thải nguy hại không có trong Giấy phép xử lý chất thải nguy hại, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều này."

- Bổ sung điểm e khoản 3: "e) Không thực hiện đúng nội dung văn bản chấp thuận vận hành thử nghiệm của cơ quan cấp phép."

- Sửa đổi điểm b khoản 4: "b) Không có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi tiếp nhận chất thải nguy hại từ các chủ xử lý chất thải nguy hại khác;"

→ Trước đây gọi là "đơn vị vận chuyển"

- Sửa đổi điểm d khoản 5: "d) Xử lý chất thải nguy hại vượt quá công suất xử lý một trong các nhóm chất thải nguy hại quy định trong giấy phép xử lý chất thải nguy hại hoặc trong văn bản chấp thuận vận hành thử nghiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;"

- Sửa đổi tên khoản 6: "6. Hành vi chuyển giao, cho, bán chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có giấy phép xử lý chất thải nguy hại phù hợp, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường bị xử phạt như sau:"

- Bổ sung khoản 9a vào trước khoản 9: "9a. Đối với các hành vi đốt chất thải nguy hại, chất hữu cơ khó phân hủy cần phải loại trừ theo quy định tại Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ trường hợp hành vi tội phạm về môi trường thì bị

xử lý như hành vi chôn lấp, đổ, thải chất thải nguy hại, chất hữu cơ khó phân hủy được quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều này."

* Hình thức xử phạt bổ sung: Sửa đổi điểm a, điểm đ khoản 9:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép xử lý chất thải nguy hại, văn bản chấp thuận vận hành thử nghiệm từ 01 tháng đến 03 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này;

đ) Tịch thu phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều này."

* Biện pháp khắc phục hậu quả: Bổ sung điểm a1 trước điểm a khoản 10:

"a1) Buộc chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng xử lý đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm đ khoản 5 và khoản 6 Điều này;"

2.18. Sửa đổi, bổ sung Điều 32. Vi phạm các quy định về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản

- Sửa đổi khoản 1 và bổ sung khoản 1a vào trước khoản 1:

" Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo công tác thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường về cơ quan phê duyệt phương án và cơ quan quản lý về bảo vệ môi trường tại địa phương theo quy định; không báo cáo cơ quan phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong trường hợp có sự điều chỉnh phương án cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định."

" Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện không đúng hoặc thực hiện không đầy đủ một trong các hạng mục công việc phải thực hiện trong phương án cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định."

- Sửa đổi khoản 3:

" Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi không có phương án cải tạo, phục hồi môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; **không lập lại phương án cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định, trừ trường hợp thuộc đối tượng phải lập lại báo đánh giá tác động môi trường."**

GIÃN CÁCH XÃ HỘI THEO CHỈ THỊ 16 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ, VẮN NGANG NHIÊN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN KHÔNG PHÉP.

■ Lê Khánh Tiên ¹

Đang thực hiện giãn cách theo Chỉ thị 16 của Thủ tướng Chính phủ, 03 đối tượng ở tỉnh Bến Tre ngang nhiên đưa 02 phương tiện đi khai thác khoáng sản (cát sông) trái phép trên sông Cổ Chiên thuộc địa phận Cồn Cò, xã Hưng Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Vào lúc 23 giờ 50 phút, ngày 21/8/2021, Tổ kiểm tra theo Quyết định số 835/QĐ-UBND ngày 21/3/2018 và Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 18/3/2020 về việc xử lý vi phạm trong hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn huyện Châu

Thành phối hợp Công an xã Hưng Mỹ kiểm tra hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn huyện vừa bắt quả tang nhóm đối tượng và phương tiện đang hoạt động khai thác khoáng sản trái phép. Qua khai thác thông tin các đối tượng là Huỳnh Thanh Phong, sinh năm 1972, địa chỉ ấp Tân An, xã Tân Trung; Lê Văn Danh, sinh năm 1977, địa chỉ ấp Tân An, xã Tân Trung; Phan Trường Chinh, sinh năm 1970, địa chỉ ấp Phú Long 1, xã An Định, cả 3 đối tượng đều cùng cư ngụ tại huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.



Tổ Kiểm tra đang làm việc với các đối tượng

Tại thời điểm kiểm tra và bắt quả tang tại hiện trường nơi khai thác khoáng sản trái phép, lực lượng chức năng phát hiện 03 đối tượng đang tiến hành khai thác cát, tạm giữ 01 ghe cây, 01 sà lan sắt và 21,6m³ cát mà các đối tượng khai thác được tại thời điểm kiểm tra.

Tại cơ quan chức năng, các đối tượng đã thừa nhận hành vi khai thác khoáng sản mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Vụ việc đang được cơ quan chức năng củng cố hồ sơ xử lý./.

¹ - Đơn vị Phòng Tài nguyên môi trường huyện Châu Thành

HƯỚNG DẪN

QUẢN LÝ CHẤT THẢI VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG TRONG PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH

■ Lê Thị Bích Thảo¹

Thực hiện Quyết định số 3455/QĐ-BCĐQG ngày 05/8/2020 của Ban Chỉ đạo Quốc gia phòng chống dịch COVID-19 về việc ban hành Hướng dẫn quản lý chất thải và vệ sinh trong phòng, chống dịch COVID-19;

Trước tình hình diễn biến phức tạp của dịch bệnh COVID-19 đặc biệt là vấn đề quản lý chất thải và vệ sinh trong phòng, chống dịch COVID-19; do đó việc xử lý chất thải trong phòng, chống dịch COVID-19 phải đảm bảo tuân thủ đúng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT; Quyết định số 2263/QĐ-UBND và Quyết định số 986/QĐ-UBND và các quy định về quản lý chất thải khác.

Để đảm bảo việc xử lý chất thải trong phòng, chống dịch COVID-19, Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn cụ thể việc thu gom, quản lý, xử lý chất thải phát sinh tại các khu điều trị (Bệnh viện dã chiến), Khu cách ly tập trung, cách ly tại nhà, nơi lưu trú; các khu vực phong tỏa/ các vùng cách ly y tế như sau:

1. Đối với các khu điều trị người mắc COVID-19 (Bệnh viện dã chiến):

Toàn bộ chất thải rắn phát sinh tại các khu vực này đều được coi là **chất thải lây nhiễm**, phải được xử lý theo quy định về quản lý **chất thải nguy hại**, cụ thể như sau:

a) Về phân loại, thu gom, tập kết:

- Chất thải y tế lây nhiễm được phân loại ngay vào các thùng màu vàng chứa chất thải lây nhiễm, thùng có nắp đậy kín, có đạp chân và có lót túi nilon để đựng chất thải lây nhiễm, có dán nhãn **“CHẤT THẢI CÓ NGUY CƠ CHỨA SARS-CoV-2”**; mỗi phòng bố trí đủ thùng chứa rác đảm bảo thu gom triệt để lượng chất thải phát sinh.

- Trước khi thu gom, túi đựng chất thải phải buộc kín miệng túi và tiếp tục bỏ vào túi đựng chất thải lây nhiễm thứ 2, buộc kín miệng túi, thu gom vào thùng đựng chất thải lây nhiễm. Thùng

đựng chất thải lây nhiễm phải có thành cứng, có nắp đậy kín, có lắp bánh xe đẩy, bên ngoài thùng có dán dòng chữ **“CHẤT THẢI CÓ NGUY CƠ CHỨA SARS-CoV-2”**.

- Thùng đựng chất thải tại nơi **lưu giữ tạm thời** phải được đậy nắp kín, bảo đảm không bị rơi, rò rỉ chất thải, định kỳ **hàng ngày** phải được thu gom về **khu lưu giữ tập trung** trong khuôn viên của cơ sở; tiến hành phun xịt **Cloramin B** hoặc dung dịch khử trùng khác để khử trùng **trước khi bàn giao** cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý đảm bảo tần suất.

b) Vận chuyển, xử lý:

- Thùng đựng chất thải lây nhiễm phải đáp ứng đúng quy định tại Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế và có dán **“CHẤT THẢI CÓ NGUY CƠ CHỨA SARS-CoV-2”**.

- Các phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải lây nhiễm phải đáp ứng các yêu cầu tại khoản 2, 3, 5 Điều 11 Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT. Chất thải lây nhiễm **trước khi vận chuyển** phải được đóng gói trong các bao bì, dụng cụ kín, bảo đảm không vỡ hoặc phát tán chất thải trên đường vận chuyển; thùng của phương tiện chuyên dụng để vận chuyển chất thải lây nhiễm là loại **thùng kín** hoặc **xe chuyên dụng** hoặc các phương tiện khác đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

- Ưu tiên **xử lý tại cơ sở y tế ngay trong ngày (Nhanh, cự ly ngắn, đủ điều kiện)** bằng lò đốt chất thải rắn y tế hoặc bằng thiết bị hấp chất thải lây nhiễm hoặc thiết bị khử khuẩn khác đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, cụ thể: Bệnh viện Lao và Bệnh phổi (lò đốt 15 kg/giờ), Bệnh viện Sản - Nhi (Lò hấp 35 kg/giờ), Bệnh viện y dược cổ truyền (lò đốt 20 kg/giờ), Bệnh viện đa khoa khu vực Tiểu Cần (lò đốt 05 kg/giờ và Lò hấp 35 kg/giờ), Trung tâm y tế huyện Cầu Kè (lò đốt 15 kg/giờ), Trung tâm y tế huyện Châu Thành (lò đốt 15 kg/giờ),

¹ - Đơn vị Phòng Quản lý môi trường

Trung tâm y tế huyện Trà Cú (lò đốt 30 kg/giờ), Bệnh viện đa khoa khu vực Cầu Ngang (lò hấp 35 kg/giờ).

- Trường hợp các cơ sở y tế không có công trình xử lý chất thải hoặc vượt công suất lò đốt của đơn vị, đề nghị cơ sở y tế **chuyển giao** cho Đơn vị vận chuyển về các điểm xử lý định kỳ **hàng ngày** để xử lý như sau:

(1) Bệnh viện Lao và bệnh phổi (Bệnh viện dã chiến số 1).

(2) Các Cụm cơ sở y tế theo Quyết định số 2263/QĐ-UBND ngày 01/12/2017 và Quyết định số 986/QĐ-UBND ngày 27/5/2019 gồm: Bệnh viện Sản - Nhi Trà Vinh; Bệnh viện đa khoa khu vực Tiểu Cần, Bệnh viện đa khoa khu vực Cầu Ngang.

(3) Nhà máy xử lý chất thải nguy hại của Công ty TNHH MTV Môi trường Trà Vinh (địa chỉ: ấp Tà Les, xã Thanh Sơn, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh).



Ảnh: Thu gom rác sinh hoạt trong khu cách ly tập trung

2. Đối với khu vực cách ly/phòng cách ly tại cơ sở cách ly y tế tập trung (trường hợp F1):

2.1. Toàn bộ chất thải rắn phát sinh được coi là **chất thải lây nhiễm** và phải được thu gom, quản lý như đối với chất thải tại mục 1 nêu trên (**trừ rác thải sinh hoạt khu vực nhà bếp, rác thải vệ sinh khuôn viên**,... chưa có sự tiếp xúc với khu vực có khả năng nhiễm SARS-CoV-2).

2.2. Đối với rác thải sinh hoạt **chưa có sự tiếp xúc, không có khả năng nhiễm SARS-CoV-2** được thu gom, xử lý ngay trong ngày theo quy định về quản lý rác thải sinh hoạt. Thực hiện quản lý và xử lý rác thải sinh hoạt thông thường như sau:

a) Phân loại, thu gom, tập kết:

- Chất thải **sinh hoạt không lây nhiễm** được phân loại vào các thùng chứa rác sinh hoạt không lây nhiễm **màu xanh**, mỗi phòng phải được bố trí đủ số lượng các thùng chứa rác với thể tích phù hợp để thu gom toàn bộ lượng chất thải phát sinh trong ngày. Thùng chứa phải có nắp đậy kín, có đạp chân và lót túi nilon bảo đảm không bị rơi vãi, rò rỉ rác thải trong quá trình thu gom về khu tập kết của khu theo dõi, cách ly tập trung.

- Hàng ngày, khu theo dõi, cách ly có trách nhiệm thu gom rác thải sinh hoạt không lây nhiễm

phát sinh từ các phòng, rác thải sinh hoạt không lây nhiễm được bỏ vào túi **nilong buộc kín miệng** và **bỏ vào các thùng đựng rác** tại khu vực tập kết rác của khu theo dõi, cách ly. **Trước khi giao** cho đơn vị vận chuyển, chất thải phải được **khử trùng phun xịt Cloramin B** hoặc dung dịch khử trùng khác toàn bộ lượng rác thải sinh hoạt, các thùng chứa rác và khu vực tập kết rác.

b) Vận chuyển, xử lý:

UBND cấp huyện chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện hoặc UBND cấp xã phối hợp chặt chẽ với **Đơn vị thu gom** chất thải định kỳ **hàng ngày** thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt không lây nhiễm từ các khu theo dõi, cách ly đã được phun xịt dung dịch khử trùng đến địa điểm xử lý gần nhất để xử lý, đảm bảo không rơi vãi, phát tán ra bên ngoài. Tại địa điểm xử lý, rác thải sinh hoạt không lây nhiễm tiếp tục được phun xịt Cloramin B hoặc dung dịch khử trùng khác đảm bảo không phát tán lây lan dịch bệnh trước khi xử lý. Sau khi tiếp nhận rác thải, **Đơn vị xử lý** ghi nhận khối lượng và thực hiện ngay việc xử lý lượng chất thải này.



Ảnh: vệ sinh, thu gom rác sinh hoạt các khu phong tỏa

3. Đối với phòng cách ly tại nhà, nơi lưu trú (đối với các trường hợp F2, F3):

- Chất thải phát sinh tại khu vực này gồm **khẩu trang, khăn, giấy lau mũi, miệng** thải bỏ của người được cách ly phải được bỏ vào túi đựng chất thải, sau đó **xịt cồn 70 độ** để khử trùng (việc khử trùng thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan y tế), buộc chặt miệng túi, sau đó bỏ vào thùng đựng chất thải có lót túi, có nắp đậy kín đặt trong phòng của người được cách ly.

- Trường hợp trong thời gian cách ly, nếu người được cách ly xuất hiện triệu chứng nghi ngờ mắc COVID-19 thì phải khử trùng và xử lý môi trường theo hướng dẫn của Bộ Y tế và thu gom **tất cả** các loại chất thải phát sinh từ phòng cách ly của người mắc hoặc nghi mắc COVID-19 để vận chuyển, xử lý như đối với chất thải lây nhiễm.

- Trong trường hợp hết thời gian cách ly, nếu người được cách ly không xuất hiện triệu chứng nghi ngờ mắc COVID-19 hoặc có kết quả xét nghiệm âm tính với SARS-CoV-2 thì thu gom túi đựng chất thải và xử lý như chất thải thông thường. Việc vận chuyển, xử lý như xử lý chất thải thông thường.

4. Đối với vùng cách ly giãn cách xã hội (Khu vực phong tỏa)

- Chất thải rắn là **khẩu trang, khăn, giấy lau mũi, miệng thải bỏ** tại khu vực phong tỏa phải được bỏ vào túi đựng chất thải, sau đó xịt cồn 70 độ để khử trùng (việc khử trùng thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan y tế) trước khi vận chuyển, xử lý.

- Việc thu gom vận chuyển, xử lý chất thải không lây nhiễm này do Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện hoặc UBND cấp xã phối hợp chặt chẽ với Đơn vị thu gom, xử lý chất thải để vận chuyển xử lý, thực hiện quản lý chất thải như chất thải thông thường (mục 2.2)

- Đối với chất thải rắn phát sinh khi cách ly tại nhà, nơi lưu trú tại khu vực phong tỏa được thực hiện quản lý chất thải như chất thải thông thường (mục 3).

5. Về xử lý nước thải y tế:

Nước thải phát sinh từ các khu cách ly, khám, theo dõi, chăm sóc, điều trị (bao gồm cả khu vực rửa dụng cụ đựng chất thải, khu vực vệ sinh) người mắc hoặc nghi ngờ mắc COVID-19 trong cơ sở y tế phải được thu gom vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở y tế và tăng cường xử lý khử khuẩn nước thải đầu ra, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (QCVN 28:2010/ BTNMT) trước khi xả ra môi trường.

6. Ban chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh cấp huyện cần chỉ đạo thực hiện một số nội dung như:

- Phân công trách nhiệm quản lý CTYT và CTSH TT của các phòng, ban ngành cấp huyện và chỉ đạo Phòng Y tế, Phòng TNMT phối hợp UBND cấp xã xây dựng **Phương án thu gom, vận chuyển rác thải trong thời gian cách ly** (bao gồm rác y tế lây nhiễm và rác thải sinh hoạt) theo hướng dẫn cụ thể:

- **Rác thải y tế lây nhiễm:** Phòng y tế phối hợp với Trung tâm y tế huyện phân loại, thu gom và chuyển giao cho đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý. UBND xã phân công đầu mối để phối hợp, hỗ trợ tại các khu cách ly trong việc chuyển giao chất thải với đơn vị xử lý.

- **Rác thải sinh hoạt thông thường:** Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với đơn vị xử lý để vận chuyển, xử lý triệt để đảm bảo không ủ tắc tại các địa bàn giãn cách.

- Bố trí **kinh phí** để chủ động trang bị **thùng chứa rác:** Phòng Y tế bố trí thêm thùng chứa rác, túi đựng rác thải y tế lây nhiễm, đồ bảo hộ, thuốc phun xịt khử khuẩn môi trường, Phòng TNMT bố trí thêm thùng chứa RTSH tại các địa bàn nêu trên đảm bảo đủ khả năng lưu chứa phù hợp với tần suất thu gom của đơn vị thu gom.

XÂY DỰNG MÔ HÌNH KHU DÂN CƯ GẮN VỚI CƠ SỞ TÔN GIÁO BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

■ Phòng QLMT¹

I. CƠ SỞ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ THỰC TIỄN CỦA VIỆC XÂY DỰNG MÔ HÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Chủ trương, đường lối của Đảng

1.1. Nghị quyết số 41 của Bộ chính trị nêu rõ:

“Bảo vệ môi trường là nhiệm vụ vừa phức tạp, vừa cấp bách, có tính đa ngành và liên vùng cao, vì vậy cần có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của cấp ủy Đảng, sự quản lý thống nhất của Nhà nước, sự tham gia tích cực của MTTQ Việt Nam và các đoàn thể nhân dân” (Quan điểm 5).

- “Xây dựng nước ta trở thành một nước có môi trường tốt, có sự hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường; mọi người đều có ý thức bảo vệ môi trường, sống thân thiện với thiên nhiên” (Mục tiêu 3).

- “Phát triển các phong trào quần chúng tham gia bảo vệ môi trường. Đề cao trách nhiệm, tăng cường sự tham gia có hiệu quả của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, các phương tiện truyền thông trong hoạt động bảo vệ môi trường... Đưa nội dung bảo vệ môi trường vào Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” (Giải pháp 3: *Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường*)

- “Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội có trách nhiệm tổ chức quán triệt và thực hiện Nghị quyết, đưa công tác bảo vệ môi trường vào nội dung hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể” (tổ chức thực hiện).

1.2. Nghị quyết 24-NQ/TW, ngày 3/6/2013 của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- “Trách nhiệm và nghĩa vụ của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư, trong đó, Nhà nước giữ vai trò chủ đạo, dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự tham gia giám sát của toàn xã hội” (Quan điểm)

- “Thực hiện chính sách khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp và người dân tham gia hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; hỗ trợ người dân trồng và bảo vệ rừng, nhất là rừng đầu nguồn, rừng ngập mặn ven biển, người dân bị ảnh hưởng do khai thác tài nguyên thái quá” (Giải pháp).

- “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân đẩy mạnh công tác vận động các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và giám sát thực hiện Nghị quyết” (Tổ chức thực hiện).

2. Chính sách, pháp luật của Nhà nước

2.1. Luật bảo vệ môi trường sửa đổi (Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 17 tháng 11 năm 2020)

Điều 157: Trách nhiệm và quyền hạn của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

- “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm tuyên truyền, vận động các tổ chức thành viên và Nhân dân tham gia hoạt động bảo vệ môi trường”.

- “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện tư vấn, phản biện, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật. Cơ quan quản lý nhà nước các cấp có trách nhiệm tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia bảo vệ môi trường”.

1 - Đơn vị Phòng Quản lý môi trường

2.2. Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Tuyên truyền, vận động nhân dân phát huy truyền thống yêu nước, đại đoàn kết toàn dân tộc; tham gia các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước (Điều 13: phương hướng tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc)

3. Chương trình hành động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

- Chương trình phối hợp số 20, ngày 26/12/2016 giữa Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Bộ Tài nguyên và Môi trường về Thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường giai đoạn 2017 – 2020:

“Tiếp tục xây dựng mới và nhân rộng các mô hình, điển hình của cộng đồng dân cư, các tổ chức tôn giáo tham gia bảo vệ môi trường ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, thực hiện nếp sống văn minh, vệ sinh môi trường, bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học” (Nội dung phối hợp).

- Chương trình phối hợp giữa Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường với các tôn giáo về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu (Giai đoạn 2015 – 2020).

“Phối hợp nâng cao năng lực bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu của các cộng đồng tôn giáo; hỗ trợ các tổ chức tôn giáo xây dựng mô hình điểm tham gia bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu và nhân rộng các mô hình này ở cộng đồng phù hợp với đặc điểm, điều kiện cụ thể của mỗi tôn giáo” (Nội dung phối hợp).

1. Mục đích, yêu cầu

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm, sự đóng góp tích cực của chức sắc và tín đồ tôn giáo đối với nhiệm vụ bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn dân cư, góp phần thực hiện tốt cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”;

- Tăng cường xây dựng sự đoàn kết giữa các tôn giáo, đoàn kết lương - giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Việc xây dựng và triển khai thực hiện bảo đảm tính thiết thực, hiệu quả; có sự phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ giữa các cơ quan liên quan ở tỉnh và địa phương đối với tổ chức tôn giáo; sự đồng lòng, thống nhất của các tôn giáo trên tinh thần trách nhiệm chung;

bảo đảm các quy định của pháp luật.

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình điểm “Tôn giáo tham gia bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu”, góp phần nâng cao chất lượng sống ở cộng đồng, góp phần xây dựng ấp, xã nông thôn mới; phường đô thị văn minh.

II. NỘI DUNG XÂY DỰNG MÔ HÌNH

1. Nguyên tắc chung

- Việc xây dựng mô hình phải đảm bảo sự thống nhất về lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp giữa cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên.

- Việc lựa chọn và xây dựng mô hình phải đảm bảo những yêu cầu cơ bản của việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn khu dân cư theo những tiêu chí mà Luật bảo vệ môi trường, các văn bản pháp quy khác của Nhà nước đã quy định và đặc điểm tình hình của khu dân cư.

- Ngoài nội dung bảo vệ môi trường còn các nội dung liên quan, hỗ trợ các hoạt động khác ở khu dân cư để thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.

- Các khu dân cư được chọn xây dựng mô hình về cơ bản bảo đảm các yếu tố: qui mô khu dân cư vừa phải; Ban công tác mặt trận có cơ cấu, thành phần, số lượng đầy đủ; chọn khu dân cư có đồng bào tôn giáo, dân tộc thiểu số.

2. Các nội dung thực hiện trong việc xây dựng mô hình

2.1. Đối với khu dân cư (ấp)

1. Có quy ước hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường ở khu dân cư.

2. Không vi phạm Luật bảo vệ môi trường, quy định về giữ gìn vệ sinh môi trường nơi công cộng.

3. Có các tổ tự quản bảo vệ môi trường ở khu dân cư và thực hiện nhiệm vụ có hiệu quả

4. Thực hiện những nội dung tự quản bảo vệ môi trường ở cộng đồng dân cư tự quản:

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả quy ước hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường ở khu dân cư.

- Tổ chức các hình thức, biện pháp tự kiểm tra, kiểm soát, đôn đốc các hộ gia đình trong khu dân cư thực hiện quy ước hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường.

- Tổ chức các biện pháp thu gom, vận chuyển rác thải, chất thải, xử lý nước thải từ các gia đình và khu dân cư đến nơi quy định.

2.2. Đối với hộ gia đình

1. Mỗi hộ gia đình có vật dụng chứa rác thải, chất thải bảo đảm không gây ô nhiễm trước khi đến nơi tập trung.

2. Đổ, bỏ rác vào thùng chứa rác công cộng hoặc đúng nơi qui định về tập trung rác thải, xả nước thải vào hệ thống thu gom nước thải.

3. Không để chất thải và mùi hôi từ gia đình phát tán gây ảnh hưởng đến sức khỏe và sinh hoạt của khu dân cư.

4. Nộp đủ và đúng thời hạn các loại phí bảo vệ môi trường theo qui định.

5. Tham gia các hoạt động vệ sinh môi trường ở khu dân cư

6. Trong chăn nuôi gia súc, gia cầm: Có đủ công trình vệ sinh, chuồng trại và bảo đảm an toàn, vệ sinh đối với khu vực sinh hoạt của cộng đồng dân cư, không để vật nuôi gây mất vệ sinh công cộng.

7. Thực hiện nghiêm túc các quy định bảo vệ môi trường trong quy ước hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường.

2.3. Đối với cơ sở tôn giáo

1. Giữ gìn cây xanh, trồng cây xanh trong khuôn viên chùa và gia đình phật tử; mỗi hộ gia đình phật tử có vật dụng chứa rác thải, chất thải bảo đảm không gây ô nhiễm trước khi đến nơi tập trung, tổ chức thu gom và chuyển rác thải sinh hoạt đến đúng nơi quy định.

2. Vận động gia đình phật tử (có sản xuất, kinh doanh) không sử dụng chất cấm trong chăn nuôi và nuôi trồng; thu gom, xử lý hoặc thiêu hủy thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, hóa chất và bao bì đựng thuốc đã hết hạn sử dụng và sau khi sử dụng đúng quy định.

3. Có nhà vệ sinh, chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm bảo đảm vệ sinh, an toàn đối với sinh hoạt con người.

4. Tổ chức thực hiện và vận động các hộ gia đình phật tử thuộc chùa Bông Sen thực hiện đầy đủ các tiêu chí xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Vận động 100% hộ gia đình phật tử

thực hiện tốt các nội dung quy định về đảm bảo môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu.

5. Vận động phật tử bảo đảm vệ sinh, môi trường ở tất cả di tích lịch sử, các tụ điểm công cộng và khu vực sinh hoạt chung. Tham gia đầy đủ các hoạt động bảo vệ môi trường do chính quyền phát động.

3. Tiêu chí để công nhận mô hình

3.1. Nhân dân tự giác thực hiện hương ước, quy ước hoặc bản cam kết thực hiện bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu ở khu dân cư:

- Trên 95% hộ gia đình ký và thực hiện cam kết bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu trong sản xuất, kinh doanh và tổ chức cuộc sống hằng ngày.

- Trên 90% hộ gia đình tham gia các hoạt động vệ sinh môi trường của tổ dân phố, thôn, bản, ngõ...;

- Trên 90% hộ gia đình nộp đủ các loại phí bảo vệ môi trường theo quy định.

3.2. Bảo đảm vệ sinh, môi trường ở tất cả các tụ điểm công cộng và khu vực sinh hoạt chung của khu dân cư.

3.3. Có các tổ chức tự quản và hoạt động tích cực, hiệu quả trong kiểm tra việc thực hiện: có lịch hoạt động, kết quả cụ thể của từng thời gian đánh giá, kiểm tra việc thực hiện các nội dung nêu trên từ hộ gia đình đến cả khu dân cư; có lịch trình và tổ chức, huy động các thành viên trong cộng đồng dân cư tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường ở khu dân cư (tuần, tháng, quý, năm...).

3.4. Có các hình thức, biện pháp thu gom, phân loại rác thải do cộng đồng dân cư tự tổ chức thực hiện.

3.5. Đường làng, ngõ xóm phong quang, vệ sinh, sạch đẹp, trồng cây xanh ở những nơi công cộng.

3.6. Có 90% số hộ gia đình (đối với đô thị, nông thôn) thực hiện tốt các tiêu chí ở mục 2.

4. Các bước thực hiện việc xây dựng mô hình

4.1. Khảo sát thực tế

- Chọn lựa địa bàn xây dựng mô hình;

- Khảo sát tình hình đời sống, các phong tục

tập quán, nếp sinh hoạt của khu dân cư tác động đến môi trường.

- Xác định điểm xuất phát và các tiêu chí đạt được của mô hình

- Làm việc với cấp ủy đảng, chính quyền, các tổ chức thành viên, tổ chức, chức sắc tôn giáo trên địa bàn về yêu cầu phối hợp chỉ đạo, thực hiện xây dựng mô hình: thống nhất mục đích, yêu cầu, nội dung; thành lập tổ chức chỉ đạo xây dựng mô hình của xã, phường, thị trấn.

4.2. Triển khai xây dựng mô hình

- Tập huấn cán bộ Mặt trận xã, phường, thị trấn và Ban Công tác Mặt trận, chức sắc tôn giáo có khu dân cư chọn xây dựng mô hình;

- Xây dựng bản cam kết cộng đồng và cơ sở tôn giáo bảo vệ môi trường và ứng phó với biến

đổi khí hậu.

- Hợp dân trong khu dân cư thảo luận mục đích, yêu cầu và những nội dung thực hiện;

- Tổ chức ký cam kết thực hiện;

4.3. Tổ chức thực hiện các nội dung của mô hình: Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp hướng dẫn, chỉ đạo khu dân cư thực hiện.

4.4. Kiểm tra, sơ kết, nghiệm thu mô hình

- Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã kiểm tra, sơ kết;

- Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp tỉnh, huyện kiểm tra, đối chiếu kết quả;

- Tổ chức hội nghị sơ kết, đánh giá, nghiệm thu mô hình.

TRÀ VINH ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI GẮN VỚI LIÊN KẾT SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TOÀN TỈNH.

■ Nguyễn Vũ Sơn ¹



Ảnh: Nông dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh thu hoạch vụ lúa hè thu năm 2021

1 - Đơn vị Trung tâm CNTT-TNMT

Uỷ ban nhân dân tỉnh Trà Vinh vừa ban hành kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi gắn với liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 với mục tiêu đến năm 2030, diện tích gieo trồng đạt khoảng 200.000 ha lúa, sản lượng đạt từ 1 - 1,2 triệu tấn; trong đó, lúa hữu cơ từ 2.000 - 3.500 ha và lúa sạch đạt từ 20.000 - 30.000 ha.

Theo kế hoạch, tỉnh Trà Vinh sẽ đẩy mạnh cơ cấu lại thời vụ và mùa vụ sản xuất phù hợp với tình hình biến đổi khí hậu; khuyến khích nông dân áp dụng các quy trình sản xuất bền vững, thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP) theo hướng tiết kiệm nước, tăng hiệu suất sử dụng phân bón, giảm thuốc bảo vệ thực vật, hóa chất nhằm giảm chi phí, tăng năng suất, chất lượng, an toàn thực phẩm, giảm phát thải, bảo vệ môi trường. Tiếp tục du nhập, khảo nghiệm các giống lúa mới có năng suất, chất lượng cao để khuyến cáo sản xuất đại trà; vận động nông dân sử dụng giống xác nhận và giống lúa chất lượng cao, chống chịu tốt với hạn, mặn; đồng thời, phát triển các loại giống theo nhu cầu của thị trường xuất khẩu để từng bước chuyển sang canh tác lúa có chất lượng cao, đặc sản phục vụ tiêu dùng trong nước và các thị trường có tiêu chuẩn cao.

Tăng cường cơ giới hóa đồng bộ các khâu sản xuất, ứng dụng khoa học công nghệ giảm tối đa chi phí sản xuất, vật tư nông nghiệp nhằm tăng khả năng cạnh tranh và nâng cao thu nhập cho người sản xuất. Bên cạnh đó, các địa phương tổ chức sản xuất, gắn kết với doanh nghiệp theo phương thức cánh đồng lớn; khuyến khích doanh nghiệp và người dân đầu tư vào nông nghiệp, tập trung đầu tư vào chế biến sâu, chế biến phụ phẩm để sản xuất các sản phẩm có giá trị cao từ gạo; phát triển cụm các cơ sở kho chứa, bảo quản, sơ chế và các dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho các vùng sản xuất;

nâng cao công nghệ chế biến, bảo quản đáp ứng tiêu chuẩn của các thị trường cao cấp; hình thành khu, cụm công nghiệp chế biến công nghệ cao và trung tâm dịch vụ hậu cần để kết nối ra thị trường tại các khu vực gần vùng sản xuất chuyên canh, Cùng với đó, củng cố lại hoạt động xuất khẩu lúa gạo của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; hình thành các chuỗi bán lẻ tại vùng chuyên canh, đô thị lớn, khu công nghiệp; đầu tư xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng các vùng chuyên canh, bao gồm: giao thông, điện, thủy lợi nội đồng, trạm bơm điện; hệ thống phơi sấy và các dịch vụ khác phục vụ sản xuất.

Ngoài ra, sẽ đẩy mạnh đầu tư cơ giới hóa để giảm tổn thất trong sản xuất lúa trên địa bàn tỉnh xuống còn dưới 7% đến năm 2030. Đối với những diện tích trồng lúa kém hiệu quả sẽ đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng. Giai đoạn 2021-2025, tỉnh chuyển đổi khoảng 8.084 ha sang cây hàng năm, sang cây lâu năm, trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản. Giai đoạn này, tỉnh cũng xây dựng 24 mô hình thí điểm liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên tổng diện tích 4.850 ha; giúp liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân, từ đầu vào đến đầu ra trong sản xuất.

Theo thống kê của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, từ năm 2017 đến nay, tỉnh Trà Vinh đã chuyển đổi 10.647 ha đất lúa chuyển đổi sang trồng cây hàng năm khác, cây ăn trái, cây dứa và kết hợp với nuôi thủy sản hiệu quả tăng từ 1,22 - 7,63 lần so với trước khi chuyển đổi. Tuy diện tích đất trồng lúa giảm nhưng sản lượng hàng năm vẫn đạt từ 1,1 - 1,2 triệu tấn nhờ ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới, cơ giới hóa và sử dụng các giống lúa chất lượng cao, từ đó góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm lúa gạo, giảm được chi phí và tăng thu nhập cho nông dân trên địa bàn tỉnh./.

(Nguồn Kế hoạch số 69/KH-UBND)